

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 04-7-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số 20/2022/TB-TA ngày 07 tháng 6 năm 2022; Thông báo dời phiên tòa số 24/2022/TB-TA ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; trụ sở: Số 02, LH, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do ông Tiết Văn A - Chức vụ Tổng Giám đốc làm đại diện theo pháp luật; ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước do ông Phạm Ngọc B - chức vụ Giám đốc làm đại diện; ông Phạm Ngọc B ủy quyền lại cho ông Trần Văn C - Chức vụ Phó Giám đốc tham gia tố tụng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Vũ Đình D, sinh năm 1954; cư trú: Thôn 3, xã ĐỐ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

2. Anh Vũ Văn E, sinh năm 1987 (vắng mặt không có lý do)

3. Anh Vũ Đình F, sinh năm 1996 (vắng mặt không có lý do)

Cùng cư trú: Thôn 3, xã ĐỐ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2021 và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng) ông Trần Văn C trình bày:

1. Vào ngày 06 tháng 01 năm 2017, Ngân hàng và ông Vũ Đình D có ký hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201700069. Theo đó Ngân hàng đã cho ông Vũ Đình D vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay vốn là chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới. Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 1.200.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2017. Kỳ hạn trả nợ gốc 3 kỳ: Kỳ 1 trả 200.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2018, Kỳ 2 trả 300.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2019; kỳ 3 trả 700.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2020. Quá trình vay, ông Vũ Đình D đã trả tiền gốc và các khoản lãi trong hạn cụ thể như sau:

+ Ngày 11 tháng 7 năm 2017 ông Vũ Đình D đã trả lãi từ ngày 06 tháng 01 năm 2017 đến 06 tháng 7 năm 2017 số tiền 54.673.333 đồng.

+ Ngày 08 tháng 01 năm 2018 ông Vũ Đình D tiếp tục trả đã trả 1 phần gốc là 200.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 07 tháng 7 năm 2017 đến 06 tháng 01 năm 2018 số tiền 55.813.333 đồng;

+ Ngày 06 tháng 7 năm 2018 ông Vũ Đình D tiếp tục trả lãi từ ngày 06 tháng 01 năm 2018 đến 06 tháng 7 năm 2018 số tiền 45.803.333 đồng;

+ Ngày 07 tháng 01 năm 2019 ông Vũ Đình D tiếp tục trả đã trả 1 phần gốc là 300.000.000 đồng và lãi từ ngày 07 tháng 7 năm 2018 đến 07 tháng 01 năm 2019 số tiền 47.414.166 đồng;

+ Ngày 15 tháng 7 năm 2019 ông Vũ Đình D trả lãi từ ngày 08 tháng 01 năm 2019 đến 08 tháng 7 năm 2019 số tiền 32.911.667 đồng;

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2022 dư nợ gốc còn lại của hợp đồng này là 700.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng 5617-LAV-201700069 ông Vũ Đình D và Ngân hàng không ký văn bản phụ lục hợp đồng giảm lãi suất theo văn bản 488/NHNo.BP-KHNV ngày 20 tháng 7 năm 2020.

2. Ngày 10 tháng 01 năm 2019, Ngân hàng và ông Vũ Đình D có ký hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201900106 Theo đó Ngân hàng đã cho ông Vũ Đình D vay số tiền là: 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay vốn là chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới. Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 500.000.000 đồng vào ngày 10 tháng 01 năm 2019. Phương thức trả nợ gốc một lần khi đến hạn. Đối với hợp đồng tín dụng 5617-LAV-201900106 ông Vũ Đình D và ngân hàng có ký văn bản phụ lục hợp đồng giảm lãi suất theo văn bản 488/NHNo.BP-KHNV ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước về việc hỗ trợ các hộ dân trồng tiêu xã Đăk Ô

bị thiệt hại. Theo đó, ông được giảm lãi suất từ 9,8%/năm còn 7,8%/năm từ ngày 10 tháng 01 năm 2019 đến 10 tháng 01 năm 2022, không phạt lãi quá hạn, lãi chậm trả trong thời gian này. Tính đến ngày 16 tháng 6 năm 2022 dư nợ gốc còn lại của hợp đồng này là 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng 5617-LAV-201700069 và 5617-LAV-201900106, ông Vũ Đình D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 44350/2017/HĐTC ngày 05 tháng 01 năm 2017, thế chấp quyền sử dụng đất số: AM 261647 do UBND huyện phước Long (cũ) cấp ngày 14 tháng 8 năm 2008 với diện tích 23.276,8m²; tờ bản đồ số 03; thửa đất số 86. Tọa lạc tại thôn 3, xã Đắk O, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, đến nay đã quá kỳ hạn trả nợ gốc và lãi của 2 hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Vũ Đình D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết buộc ông Vũ Đình D và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị Đ, ông Vũ Văn E, ông Vũ Đình F liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ lại của 02 khoản vay là 1.200.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Lãi suất tạm tính đến ngày 04 tháng 7 năm 2022 như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201700069

Lãi suất trong hạn: 31.241.096 đồng.

Lãi suất quá hạn: 230.191.644 đồng.

Cộng tiền lãi: 261.432.740 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201900106

Lãi suất trong hạn: 39.000.000 đồng.

Lãi suất quá hạn: 133.389.041 đồng.

Cộng tiền lãi: 172.389.041 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn của 2 hợp đồng tín dụng: 70.241.096 đồng

Tổng số tiền lãi quá hạn của 2 hợp đồng tín dụng: 363.580.685 đồng

3. Tổng cộng gốc và lãi của 2 hợp đồng tín dụng: 1.633.821.781 đồng.

Trong trường hợp ông Vũ Đình D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trả nợ. Thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Bù Gia Mập xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 44350/2017/HĐTC ngày 05 tháng 01 năm 2017 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F tiếp tục liên đới trả cho ngân hàng đến khi hết nợ vay.

- Bị đơn ông Vũ Đình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ cùng trình bày:

Hộ gia đình ông bà có ký hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201700069 để vay số tiền là 1.200.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2017, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay trồng tiêu, điều, làm hệ thống tưới. Vợ chồng ông

bà đã nhận đủ số tiền nêu trên từ Ngân hàng vào ngày 06 tháng 01 năm 2017, kỳ hạn trả nợ gốc chia thành 03 kỳ: Kỳ 1 trả 200.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2018; kỳ 02 trả 300.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2019; kỳ 3 trả 700.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2020. Vợ chồng ông bà đã trả lãi cho Ngân hàng vào ngày 11 tháng 7 năm 2017 số tiền lãi từ ngày 06 tháng 01 năm 2017 đến ngày 06 tháng 7 năm 2017 là 54.673.333 đồng. Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tiếp tục trả một phần gốc là 200.000.000 đồng, và từ ngày 07 tháng 7 năm 2017 đến ngày 06 tháng 01 năm 2018 số tiền 55.813.333 đồng; Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tiếp tục trả lãi từ ngày 06 tháng 01 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018 số tiền 45.803.333 đồng. Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tiếp tục trả một phần gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 07 tháng 7 năm 2018 đến ngày 07 tháng 01 năm 2019 số tiền 47.414.166 đồng. Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tiếp tục trả lãi từ ngày 08 tháng 01 năm 2019 đến ngày 08 tháng 7 năm 2019 số tiền 32.911.667 đồng. Đến ngày 16 tháng 6 năm 2022 dư nợ gốc còn lại của hợp đồng là 700.000.000 đồng.

Đến ngày 10 tháng 01 năm 2019 vợ chồng ông bà tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 5617- LAV-201900106 số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay chăm sóc tiêu, điều làm hệ thống tưới, Ngân hàng đã giải ngân số tiền này cho gia đình ông bà vào ngày 10 tháng 01 năm 2019. Khi vay vợ chồng ông bà có thể chấp cho Ngân hàng tài sản gắn liền với đất số AM 261647 do UBND huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bàn Gia Mập cấp ngày 14 tháng 8 năm 2008 với diện tích đất 23.276,8 m² thuộc tờ bản đồ số 3; thửa đất số 86; tọa lạc tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bàn Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Khoản vay này, vợ chồng ông bà chưa trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc và lãi nào.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì vợ chồng ông bà đồng ý trả nợ gốc của 02 khoản vay còn nợ lại là 1.200.000.000 đồng cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông bà làm ăn gặp khó khăn, cây tiêu chết hết, không có nguồn thu nhập nào để trả nợ cho. Do vậy, vợ chồng ông bà yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện miễn toàn bộ tiền lãi của 02 khoản vay. Nếu Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thì vợ chồng ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn E, anh Vũ Văn F vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàn Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Vũ Đình D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ lại của 02 hợp đồng tín dụng là 1.200.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện. Bị đơn là ông Vũ Đình D có nơi cư trú tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhiều lần. Như vậy, việc vắng mặt của các đương sự nói trên là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cho nên, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Đình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có mặt và thừa nhận các khoản nợ ông D, bà Đ đã vay và chưa thanh toán như lời trình bày của đại diện Ngân hàng. Hơn nữa, căn cứ vào các bản tự khai, biên bản lấy lời khai lập vào ngày 25 tháng 4 năm 2022 của ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, cũng như các Hợp đồng tín dụng từng lần số: 5617-LAV-201700069; Hợp đồng tín dụng từng lần số: 5617-LAV-201900106 cùng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 44350/2017/HĐTC ngày 05 tháng 01 năm 2017 do các bên thỏa thuận tự nguyện ký kết, được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn C thì HĐXX có cơ sở để khẳng định: Các giao dịch hợp đồng tín dụng giữa ông Vũ Đình D (*đại diện hộ gia đình*), bà Nguyễn Thị Đ,

anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F (*thành viên của hộ gia đình*) như đã nêu trên với Ngân hàng để vay tổng số tiền của 02 khoản vay là có thật. Cụ thể là:

Hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201700069 vay số tiền là 1.200.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 01 năm 2017 thì ông bà đã trả được tiền gốc là 500.000.000 đồng, còn nợ lại là 700.000.000 đồng hiện nay vẫn chưa trả.

Hợp đồng tín dụng số 5617- LAV-201900106 vay số tiền là 500.000.000 đồng hiện nay vẫn chưa trả. Cho nên, về phía đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Vũ Đình D và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc 02 khoản đã vay còn nợ lại là 1.200.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về các khoản tiền lãi, HĐXX xét thấy: Ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền lãi cụ thể là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số: 5617-LAV-201700069 của khoản tiền vay là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn thì ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ đã đóng lãi từ ngày 06 tháng 01 năm 2017 (*ngày bắt đầu tính tiền lãi*) đến ngày 08 tháng 7 năm 2019 (*ngày trả tiền lãi cuối cùng*) là 180.802.499 đồng. Như vậy, dư nợ lãi trong hạn của khoản vay này được tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2019 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp theo*) đến ngày 06 tháng 01 năm 2020 (*ngày hết hạn trả nợ*) là 181 ngày với số tiền là 31.241.096 đồng.

Từ ngày 07 tháng 01 năm 2020 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc*) đến ngày 09 tháng 7 năm 2021 áp dụng lãi suất quá hạn 13.50%/năm là 549 ngày thành số tiền là 142.138.356 đồng; từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 đến ngày 14 tháng 7 năm 2021 áp dụng lãi suất quá hạn là 13.50%/năm là 04 ngày thành số tiền là 1.035.616 đồng; từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 áp dụng lãi suất quá hạn là 12.15%/năm là 169 ngày thành số tiền là 39.379.315 đồng; từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 04 tháng 7 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) áp dụng lãi suất quá hạn là 13.50%/năm là 184 ngày thành số tiền là 47.638.356 đồng. Tổng nợ lãi quá hạn là 230.191.644 đồng; tổng số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 261.432.740 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 961.432.740 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số: 5617- LAV-201900106 với số tiền vay là 500.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn thì ông Vũ Đình D chưa đóng được số tiền lãi nào, lãi suất được tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2019 (*ngày bắt đầu tính tiền lãi*) đến ngày 10 tháng 01 năm 2020 (*ngày đến hạn trả tiền gốc*) là 365 ngày với mức lãi suất là 7.80%/năm là 39.000.000 đồng.

Từ ngày 11 tháng 01 năm 2020 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc*) đến ngày 10 tháng 01 năm 2021 áp dụng lãi suất quá hạn là 7.80%/năm là 365 ngày, thành số tiền là 39.000.000 đồng; từ ngày 11 tháng 01 năm 2021 đến ngày 14 tháng

7 năm 2021 áp dụng mức lãi suất quá hạn là 13.20%/năm là 185 ngày, thành số tiền là 33.452.055 đồng; từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 áp dụng mức lãi suất quá hạn là 11.88%/năm là 170 ngày, thành số tiền là 27.665.753 đồng; từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 04 tháng 7 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) áp dụng mức lãi suất quá hạn là 13.20%/năm là 184 ngày thành số tiền là 33.271.233 đồng. Tổng nợ lãi quá hạn là 133.389.041 đồng; Tổng số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 172.389.041 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 672.389.041 đồng.

Số dư nợ của hai khoản vay mà ông Vũ Đình D phải trả cho Ngân hàng với số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng; các khoản tiền lãi trong hạn của 02 hợp đồng là 70.241.096 đồng; tổng số tiền lãi quá hạn của 02 hợp đồng là 363.580.685 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng là 1.633.821.781 đồng. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên được HĐXX chấp nhận.

Do anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F là con ruột của ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, việc ông D vay tiền nhằm mục đích chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới phục vụ chung cho cả gia đình nên anh F, anh E cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng ông D, bà Đ trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 04 tháng 7 năm 2022 (*ngày xét xử sơ thẩm*) cho đến khi bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan liên đới trả xong nợ theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 44350/2017/HĐTC ngày 05 tháng 01 năm 2017 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bàn Gia Mập, theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trong đó có 01 Quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Đình D và bà Nguyễn Thị Đ thế chấp cho Ngân hàng vay tiền. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật nên được công nhận. Cụ thể, trong trường hợp ông Vũ Đình D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàn Gia Mập có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 3, diện tích đất thế chấp: 23.276,8 m² tọa lạc tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bàn Gia Mập, tỉnh Bình Phước có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường thôn; Phía Nam giáp đất ông Toàn; Phía Đông giáp đường đất; Phía Tây giáp suối Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 261647, sổ vào sổ cấp GCN số 01072/ĐS, do UBND huyện Phước Long (cũ), nay là huyện Bàn Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp ngày 14 tháng 8 năm 2008 cho hộ ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ. Trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 100 m² có kết cấu tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, đôn

tay bằng gỗ, nền lát bằng gạch men, xây dựng năm 2010; 200 cây Sầu Riêng trồng năm 2021; 200 cây Mít trồng năm 2021; 1000 nọc Tiêu sống trồng năm 2018; 1000 cây Điều trồng năm 2020 (trong đó có 500 cây điều trồng năm 2019); 100 Bụi chuối lùn trồng năm 2021 để Ngân hàng thu hồi nợ.

[3] Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F liên đới phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền chi phí nêu trên nên ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, hiện nay kinh tế khó khăn và đã được UBND xã ĐƠ xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ. Riêng anh Vũ Văn E và anh Vũ Đình F phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 266, Điều 271; Điều 273; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

2. Tuyên xử:

Buộc ông Vũ Đình D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền gốc đã vay còn nợ lại là 1.200.000.000 đồng; các khoản tiền lãi trong hạn và quá hạn là 433.821.781 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất là 1.633.821.781 đồng.

Trường hợp ông Vũ Đình D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài

sản thế chấp gồm: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 3, diện tích đất thế chấp: 23.276,8 m² tại địa chỉ: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường thôn; Phía Nam giáp đất ông Toan; Phía Đông giáp đường đất; Phía Tây giáp suối đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 261647, số vào sổ cấp GCN số 01072/ĐS, do UBND huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp ngày 14 tháng 8 năm 2008 cho hộ ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ. Trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 100 m² có kết cấu tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, đòn tay bằng gỗ, nền lát bằng gạch men, xây dựng năm 2010; 200 cây Sầu Riêng trồng năm 2021; 200 cây Mít trồng năm 2021; 1000 nọc Tiêu sống trồng năm 2018; 1000 cây Điều trồng năm 2020 (trong đó có 500 cây điều trồng năm 2019); 100 Bụi chuối lùn trồng năm 2021 để thu hồi tiền nợ.

Trường hợp, ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F liên đới thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Vũ Đình D các giấy tờ về tài sản đã thế chấp như đã viện dẫn.

3. Buộc ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ, anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 61.014.653 đồng, do ông Vũ Đình D, bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp tiền án phí, nên anh Vũ Văn E, anh Vũ Đình F phải liên đới nộp số tiền án phí tương ứng mỗi người là 15.254.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án là 38.343.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006083 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh